

Bản án số: 79/2017/DS-ST
Ngày 31 tháng 10 năm 2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Quang Truyền**;

2/ Bà **Lê Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng X**, sinh năm: 1964 (có mặt); địa chỉ: Số nhà a, khu phố b, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Mộng T**, sinh năm: 1970 (vắng mặt); địa chỉ: Số nhà b, đường T, khu phố a, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 1970 (vắng mặt); địa chỉ: Số nhà b, đường T, khu phố a, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2017 của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Hồng X, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị X trình bày:

Chị quen biết với chị T thông qua việc chơi hội, chị T là chủ hội, còn chị X là hội viên, chị X đã đóng được nhiều kỳ hội sống tổng cộng là 162.800.000 đồng, nhưng chưa hết phần hội nào thì chị T bị vỡ hội, ngoài ra chị T còn vay của chị X một số tiền nhưng đến nay vẫn chưa trả, cụ thể như sau:

- Ngày 06/9/2016 (âm lịch), tức là ngày 06/10/2016 (dương lịch) số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 06/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 05/11/2016 (dương lịch), số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Ngày 22/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 21/11/2016 (dương lịch), số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Ngày 20/11/2016 (âm lịch) tức là ngày 18/12/2016 (dương lịch), số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền của bốn lần vay nêu trên là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Những lần vay này chị T trực tiếp nhận tiền tại nhà của chị X, hai bên có thỏa thuận lãi suất của cả bốn lần vay nêu trên đều là 3%/tháng, mục đích chị T vay tiền là để mua bán kim chỉ, từ ngày cho vay đến nay chị X chỉ nhận lại được tổng số tiền lãi của bốn lần vay này là 12.000.000 đồng, ngoài ra chưa nhận lại được phần tiền gốc nào.

Những lần vay tiền nêu trên, chị T đều viết vào sổ nhận nợ và đến ngày 18/4/2017 hai bên thống nhất viết lại “giấy nhận nợ” với tổng số tiền nợ là 312.800.000 đồng (gồm tiền vay 150.000.000 đồng và tiền hội 162.800.000 đồng), cả hai cùng ký tên vào giấy nhận nợ này nhưng chưa thỏa thuận về hình thức trả nợ.

Việc chị T còn nợ chị X tổng số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền hội 162.800.000 đồng, chồng của chị T là anh Nguyễn Hữu T cũng biết. Chị X khởi kiện yêu cầu chị T và anh T trả tổng số tiền vay và tiền hội theo giấy nhận nợ là 312.800.000 đồng, tuy nhiên nay chị X rút lại yêu cầu về số tiền hội 162.800.000 đồng, chị X sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Nay chị X yêu cầu vợ chồng chị T và anh T cùng có trách nhiệm trả cho chị tổng số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được, bị đơn - chị Lê Thị Mộng T trình bày, thể hiện như sau:

Chị T làm nghề buôn bán phụ liệu ngành may, còn chị X buôn bán vải nên quen biết nhau, ngoài ra chị X còn tham gia hội do chị T làm chủ hội.

Chị T thừa nhận chị có vay tiền của chị X cụ thể các lần như sau:

- Ngày 06/9/2016 (âm lịch), tức là ngày 06/10/2016 (dương lịch) số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Ngày 06/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 05/11/2016 (dương lịch), số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Ngày 22/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 21/11/2016 (dương lịch), số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Ngày 20/11/2016 (âm lịch) tức là ngày 18/12/2016 (dương lịch), số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Lãi suất thỏa thuận của cả bốn lần vay này đều là 3%/tháng.

Tổng cộng số tiền của bốn lần vay nêu trên là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), từ ngày vay đến nay chị T chỉ đóng được tổng số tiền lãi của cả 04 lần vay này là 12.000.000 đồng, ngoài ra chị chưa trả được phần tiền gốc nào.

Khi vay tiền, hai bên có viết sổ nhận tiền nợ, do chị T viết tay, chưa thỏa thuận về hình thức trả nợ. Mục đích chị vay tiền của chị X là để đóng tiền hụi, đóng tiền lãi và làm vốn mua bán kim chỉ.

Ngoài số tiền vay nêu trên, chị còn nợ chị X một số tiền hụi nhưng do chị X rút lại yêu cầu về phần tiền hụi này nên chị T không có ý kiến.

Lý do chị chưa trả cho chị X số tiền vay nêu trên là vì chị bị vỡ hụi vào ngày 15/3/2017 (âm lịch) tức là ngày 11/4/2017 (dương lịch), do chị nợ tiền vay của nhiều người, mỗi ngày đều phải đóng tiền lãi, số tiền lãi phải đóng hàng ngày quá nhiều nên chị có vay mượn các phần hụi của các hụi viên để trả tiền lãi.

Anh Nguyễn Hữu T là chồng của chị không biết việc chị có nợ chị X tổng số tiền vay 150.000.000 đồng này.

Nay chị X yêu cầu vợ chồng chị T và anh T trả cho chị tổng số tiền vay 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi thì chị T đồng ý trả cho chị X số tiền này và chị sẽ trả nợ bằng cách bán tài sản cụ thể là một căn nhà số b, đường T, khu phố a, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN do vợ chồng chị T và anh T cùng đứng tên.

Anh Nguyễn Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tổng đạt hợp lệ cho anh T phải đến Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện này nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:**

- Về thủ tục tổ tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị T vay tiền của chị X nhằm mục đích đáp ứng các nhu cầu thiết trong gia đình. Mặt khác chị T và anh T hiện vẫn còn là vợ chồng và đây là số tiền vay lớn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X là có cơ sở. Vì vậy, chị T và anh T phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị X là đúng pháp luật.

Ghi nhận chị X rút lại yêu cầu về số tiền nợ hui nên đình chỉ giải quyết việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T có nơi cư trú tại số b, đường T, khu phố a, thị trấn T, huyện HT, tỉnh TN nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lê Thị Mộng T là bị đơn, anh Nguyễn Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Giữa chị X và chị T có thực hiện giao dịch vay tiền 04 (bốn) lần, cụ thể như sau: Ngày 06/9/2016 (âm lịch), tức là ngày 06/10/2016 (dương lịch) số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); ngày 06/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 05/11/2016 (dương lịch), số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); ngày 22/10/2016 (âm lịch) tức là ngày 21/11/2016 (dương lịch), số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); ngày 20/11/2016 (âm lịch) tức là ngày 18/12/2016 (dương lịch), số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); tổng cộng số tiền của bốn lần vay này là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất của cả 04 lần vay đều là 3%/tháng, mục đích chị T vay tiền là để mua bán kim chỉ. Chị X và chị T đều thống nhất hai bên chỉ giao nhận với nhau số tiền lãi của cả bốn lần vay nêu trên tổng cộng là 12.000.000 đồng.

Những lần vay tiền, chị T trực tiếp nhận và có viết vào sổ nhận nợ nhưng do chị T bị vỡ hui vào ngày 15/3/2017 (âm lịch) tức là ngày 11/4/2017 (dương lịch), đến ngày 18/4/2017 chị X và chị T thống nhất viết lại “giấy nhận nợ” với tổng số tiền nợ là 312.800.000 đồng (gồm tiền nợ vay 150.000.000 đồng và tiền nợ hui 162.800.000 đồng), cả hai cùng ký tên vào giấy nhận nợ này nhưng vẫn chưa thỏa thuận về hình thức trả nợ. Do chị T còn nợ chị X số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), chị T không thực hiện việc trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp, đây là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy chị X tự nguyện rút yêu cầu về tranh chấp hợp đồng góp hụi là phù hợp nên ghi nhận, chị X được quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về nghĩa vụ thanh toán:* Thấy rằng, việc vay tiền giữa chị X, chị T là có thật vì hai bên đều thừa nhận và có giấy biên nhận nợ. Việc chị T không thực hiện trả nợ và đến nay chị T vẫn chưa trả nợ cho chị X, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị X cho rằng chị T vay tiền là nhằm mục đích kinh doanh mua bán kim chỉ đáp ứng nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt trong gia đình; riêng chị T cho rằng việc vay tiền nhằm trả tiền lãi cho người khác, đóng tiền hụi, mua bán kim chỉ và chồng của chị là anh T không biết việc chị có nợ chị X số tiền vay này. Xét thấy, chị T và anh T vẫn còn là vợ chồng, việc chị T vay tiền để kinh doanh kim chỉ là nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết trong gia đình, đây là số tiền vay lớn, theo quy định tại Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới về các giao dịch, các nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc chị X khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T và anh T cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định của pháp luật, ghi nhận chị X không yêu cầu vợ chồng chị T, anh T trả tiền lãi.

[4] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Chị T, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng X về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T.

Buộc chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng X số tiền vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), ghi nhận chị X không yêu cầu chị T và anh T trả tiền lãi.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T và anh T còn phải trả cho chị X số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của chị X về tranh chấp hợp đồng góp hụi, chị X được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu T phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng X số tiền 7.820.000 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003979 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho chị X biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG MỸ HUYỀN